

## HỘI NGHỊ KHOA HỌC NHI KHOA NĂM 2020

CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG PHÒNG NGỮA VIỆM PHỔI THỞ MÁY TẠI KHOA HÒI SỰC TÍCH CỰC CHỐNG ĐỘC BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1 TỪ NGÀY 15/04/2019 ĐẾN 15/07/2019

Trần Thị Thanh Thảo Khoa HSTC-CĐ Bệnh viện nhi Đồng 1





- 1 Đặt vấn đề
  - 2 Mục tiêu nghiên cứu
    - 3 Phương pháp nghiên cứu
  - 4 Kết quả & bàn luận
- 5 Kết luận & kiến nghị



- 1 Đặt vấn đề
  - 2 Mục tiêu nghiên cứu
    - 3 Phương pháp nghiên cứu
  - 4 Kết quả & bàn luận
- 5 Kết luận & kiến nghị



## ĐẶT VẤN ĐỀ

- VAP là viêm phổi gặp ở bệnh nhân thở máy từ hai ngày trở lên, với ngày đặt ống thở máy được tính ngày đó hoặc ngày trước đó; nếu được đặt ống trước nhập viên thì số ngày thở máy tính từ lúc nhập viện.
- Là một nhiễm trùng liên quan tới chăm sóc.
- Làm tăng chi phí, thời gian năm viện, tăng tỷ lệ mắc bệnh và tử vong cao.



## ĐẶT VẤN ĐỀ

- Tại Mỹ, tỷ lệ viêm phổi thở máy từ 1,2 đến 8,5 / 1000 ngày thở máy
- Tại Việt Nam, tỷ lệ viêm phổi thở máy từ 43- đến 63,5 / 1000 ngày thở máy
- Tại bệnh viện Nhi Đồng 1, năm 2018, tỷ lệ viêm phổi thở máy trung bình / 1000 ngày thở máy là 9,45 / 1000 ngày thở máy



## ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo IHI, gói phòng ngừa viêm phổi thở máy:

- Độ cao đầu giường từ 30- 45°
- Dự phòng loét dạ dày tá tràng
- Dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu
- Chăm sóc răng miệng hằng ngày với chlorhexidine
- Xem xét cai an thần và cai máy thở

# Thay thuse tan tam - Cham mam dat nuse

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo phác đồ điều trị nhi khoa 2013(trang 158):

- Độ cao đầu giường từ 30°
- Phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
- Vô khuẩn trong hút đàm và khủ khuẩn máy thở, dây thở, thay dây máy thở đúng qui trình
- Vệ sinh răng miệng đúng thời gian và hút sạch dịch tiết vùng hầu họng
- Mỗi sáng đánh giá sự sẵn sàng rút nội khí quản, thở áp lực dương liên tục qua mũi

## Thu thus to the Change of Lord

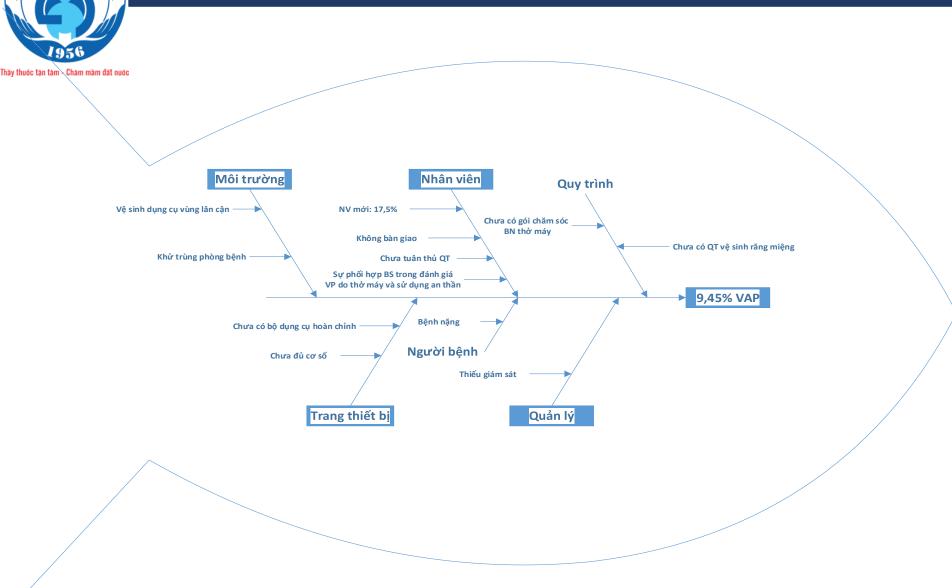
## ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại khoa hồi sức bệnh viện Nhi Đồng 1 vào tháng 3/2019

- Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay trung bình năm 2018 là 68.41%, riêng tháng 3/2019 là 73.1%;
- Tỷ lệ tuân thủ đúng qui trình kỹ thuật hút đàm là 70%;
- Tỷ lệ bơm áp lực bóng chèn nội khí quản đúng khoảng an toàn là 8%(7);
- Tỷ lệ tư thế đầu cao của bệnh nhân thở máy là 47%;
- Tỷ lệ vệ sinh răng miệng bệnh nhân thở máy là 55%.

## THEN NHI DO

## ĐẶT VẤN ĐỀ



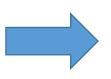


- 1 Đặt vấn đề
  - 2 Mục tiêu nghiên cứu
    - 3 Phương pháp nghiên cứu
  - 4 Kết quả & bàn luận
- 5 Kết luận & kiến nghị



## MỤC TIÊU NGHIÊN CỬU

Nâng cao chất lượng chăm sóc đường thở bệnh nhân thở máy



- 1. Giảm tỷ lệ viêm phổi thở máy / 1000 ngày điều trị trên bệnh nhân thở máy tại khoa
- 2. Tăng tỷ lệ tuân thủ qui trình hút đàm đạt trên 85%
- 3. Tăng tỷ lệ tuân thủ qui trình vệ sinh răng miệng cho bệnh nhân thở máy đạt trên 85%
- 4. Tăng tỷ lệ tuân thủ góc đầu giường bệnh nhân 30- 45° đạt trên 85%
- 5. Tăng tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay đạt trên 85%



- 1 Đặt vấn đề
  - 2 Mục tiêu nghiên cứu
    - 3 Phương pháp nghiên cứu
  - 4 Kết quả & bàn luận
- 5 Kết luận & kiến nghị

# Thay thuốc tân tâm - Châm màm dất nước

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- 1. Thiết kế nghiên cứu: chuỗi thời gian trước sau (before-after time series design).
- 2. Dân số đích: nhân viên y tế và bệnh nhân thở máy được điều trị tại khoa hồi sức.
- 3. Dân số khảo sát: điều dưỡng chăm sóc và bệnh nhân thở máy điều trị tại khoa hồi sức bệnh viện Nhi Đồng 1 từ 15/04/2019 đến 15/07/2019.

Nội dung trình bày với font: Arial, size: 18



#### 4. Phương pháp chọn mẫu:

- Tiêu chuẩn chọn mẫu:
- Đối với mẫu là người bệnh: chọn tất cả bệnh nhân thở máy tại khoa HSTC-CĐ đang thở máy
- Đối với mẫu là điều dưỡng chăm sóc bệnh nhân thở máy tại khoa: là cơ hội ĐD phải thựuc hiện các bước của quy trình chăm sóc bệnh nhân đang thở máy.
- Tiêu chuẩn loại trừ: các trường hợp hồ sơ không đầy đủ thông tin cho nghiên cứu.



#### 5. Định nghĩa biến số:

- Cơ hội giám sát: số cơ hội nhân viên phải thực hiện quy trình chăm sóc bệnh nhân thở máy.
- Cơ hội tuân thủ: là 1 cơ hội giám sát có tuân thủ đúng qui trình:
  - Vệ sinh tay
  - Hút đàm kín/ hở
  - Vệ sinh răng miệng
  - Cho bệnh nhân nằm tư thế đầu cao



#### 5. Định nghĩa biến số:

- Viêm phổi thở máy: viêm phổi gặp ở bệnh nhân thở máy từ hai ngày trở lên, với ngày đặt ống thở máy được tính ngày đó hoặc ngày trước đó; nếu được đặt ống trước nhập viên thì số ngày thở máy tính từ lúc nhập viện.
- Ngày thở máy: ngày bệnh nhân được đặt ống thở máy, nếu đặt ống trước khi nhập viện thì tính ngày thở máy từ lúc nhập viện



Chỉ số chất lượng

SII	∣Chi so chat lượng
	Tỷ lệ viêm phổi thở máy: tổng số đợt viêm phổi bệnh viện ở người bệnh có thở
1	máy mới mắc tại khoa hồi sức trong kỳ* 1000/tổng số ngày điều trị người bệnh
	có thở máy trong kỳ khảo sát.

- Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay: tỷ lệ thực hiện VST theo 5 thời điểm rửa tay = tổng số lượt giám sát VST theo 5 thời điểm bắt buộc.
- Tỷ lệ thực hiện VST đúng kỹ thuật: tổng số lượt thực hiện VST đúng kỹ thuật\*100/ tổng số lượt thực hiện VST theo 5 thời điểm.
- Tỷ lệ tuân thủ kỹ thuật hút đàm tổng số lượt thực hiện hút đàm đúng kỹ thuật/
  tổng số lượt hút đàm
- Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh răng miệng: tổng số lượt vệ sinh răng miệng đúng kỹ thuật/ tổng số lượt vệ sinh răng miệng
- Tỷ lệ bệnh nhân nằm tư thế đầu cao: tổng số lượt bệnh nhân nằm tư thế đầu cao 30- 45°/ tổng số bệnh nhân thở máy tại khoa được giám sát



#### 7. Các bước tiến hành:

- Xây dựng gói chăm sóc bệnh nhân thở máy bao gồm: tuân thủ qui trình hút đàm, tuân thủ qui trình vệ sinh tay, tuân thủ qui trình vệ sinh răng miệng, tuân thủ tư thế đầu giường cao 30-45°.
- Xây dựng qui trình và bảng kiểm Vệ sinh răng miệng cho bệnh nhân thở máy.
- Thực hiện cập nhật quy trình và trình Hội đồng KHCN phê duyệt theo Quyết định số 2576/QĐ-BVNĐ1 ngày 03/10/2019 gói chăm sóc phòng ngừa viêm phổi thở máy; qui trình vệ sinh răng miệng; bộ dụng cụ vệ sinh răng miệng đưa vào ứng dụng từ tuần 17 bao gồm: 01 kềm nhỏ/ bàn chải bọt biển, gòn viên/ gạc, bàn chải, 02 chén chun, 01 que đè lưỡi, 01 ống hút đàm.



#### 7. Các bước tiến hành:

- Tiến hành tập huấn cho điều dưỡng chăm sóc tại khoa HSTC-CĐ bệnh viện Nhi Đồng 1 gói chăm sóc phòng ngừa viêm phổi thở máy. Tập huấn cho nhân viên lấy mẫu các qui trình.
- Nhóm thực hiện giám sát trước cải tiến 6 tuần nhằm thu thập số liệu để định hướng, lựa chọn giải pháp phù hợp tiến hành cải tiến.
- Tỷ lệ tuân thủ được phân tích mỗi ba tuần, áp dụng phân tích Pareto để phân tích các lỗi thường gặp, báo cáo lãnh đạo khoa nhắc nhở trong giao ban. Hiệu quả cải tiến được lượng giá thông qua phân tích khuynh hướng các chỉ số bằng biểu đồ P\_ chart

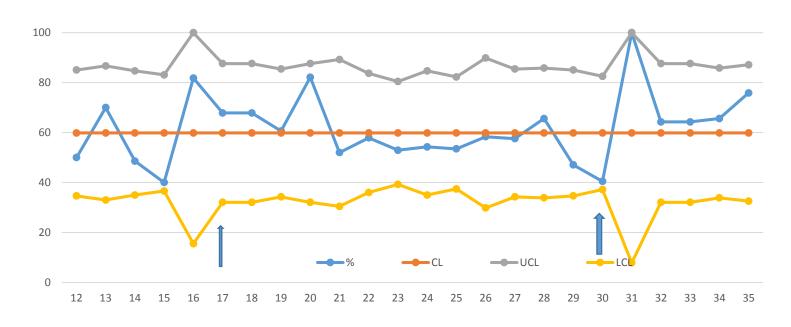


Đặt vấn đề Mục tiêu nghiên cứu Phương pháp nghiên cứu Kết quả & bàn luận Kết luận & kiến nghị



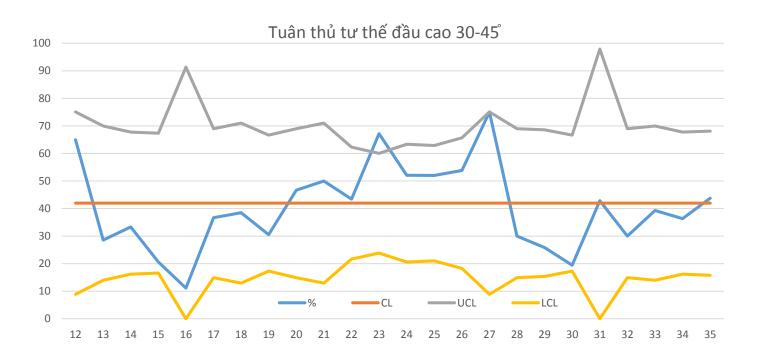
## KÉT QUẢ & BÀN LUẬN

Tỷ lệ tuân thủ QTKT hút đàm qua NKQ



Tuần	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
Cỡ mẫu	34	30	35	40	11	28	28	33	28	25	38	51	35	43	24	33	32	34	42	8	28	28	32	29

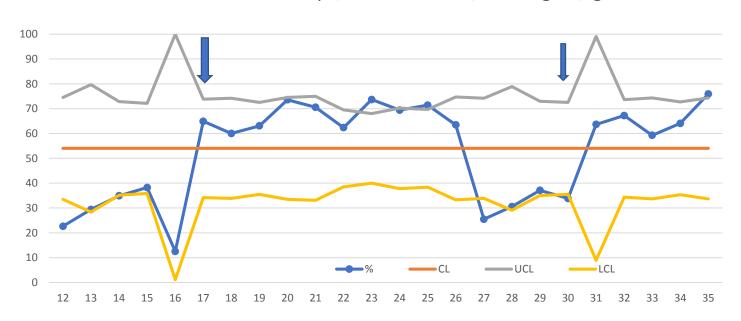




Tuần	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
Cõ mẫu	20	28	33	34	9	30	26	36	30	26	53	67	48	50	39	20	30	31	36	7	30	28	33	32



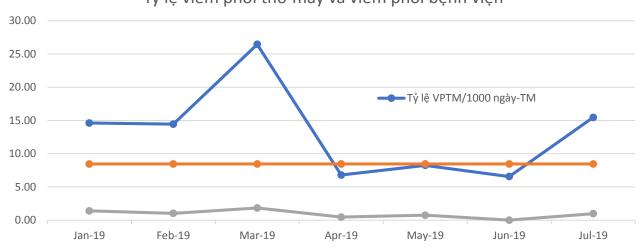
#### Tỷ lệ tuân thủ QTKT vệ sinh răng miệng



Tuần	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
Cõ mẫu	53	34	63	68	8	57	55	65	53	51	93	114	85	91	52	55	36	62	65	11	58	54	64	54

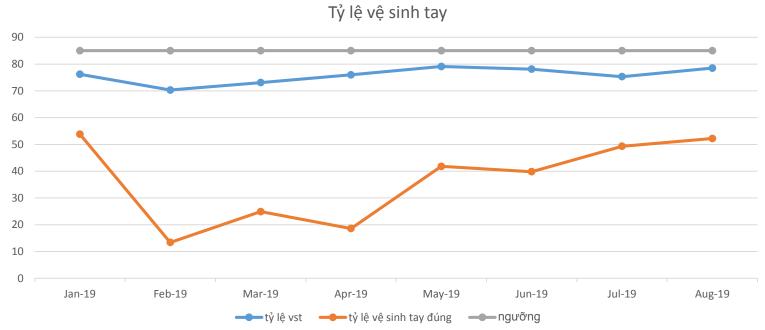


Tỷ lệ viêm phổi thở máy và viêm phổi bệnh viện



	Jan-19	Feb-19	Mar-19	Apr-19	May-19	Jun-19	Jul-19
Tổng số BN	785	584	657	648	672	644	713
Số ngày thở máy	616	346	416	442	485	457	453
Số ca VPBV	11	6	12	3	5	0	7
Số ca VPTM	9	5	11	3	4	3	7
Tỷ lệ VPBV (%)	1.40	1.03	1.83	0.46	0.74	0.00	0.98
Tỷ lệ VPTM/1000 ngày-TM	14.61	14.45	26.44	6.79	8.25	6.56	15.45





	tỷ lệ vst	tỷ lệ vệ sin	ngưỡng
Jan-19	76.2	53.8	85
Feb-19	70.3	13.4	85
Mar-19	73.1	24.9	85
Apr-19	76	18.6	85
May-19	79.1	41.8	85
Jun-19	78.1	39.8	85
Jul-19	75.3	49.3	85
Aug-19	78.5	52.2	85





- 1 Đặt vấn đề
  - 2 Mục tiêu nghiên cứu
  - 3 Phương pháp nghiên cứu
  - 4 Kết quả & bàn luận
- 5 Kết luận & kiến nghị

# Thay thuốc tàn tâm - Châm màm đất nước

## KÉT LUẬN & KIẾN NGHỊ

#### Bước đầu đề án đạt được:

Hoàn thành xây dựng qui trình vệ sinh răng miệng cho bệnh nhân tại khoa hồi sức.

Hoàn thành thiết kế bộ chăm sóc răng miệng cho bệnh nhân thở máy.

Điều dưỡng trong khoa được tập huấn lại các qui trình kỹ thuật

Xây dựng gói chăm sóc phòng ngừa viêm phối thở máy

Xây dựng cơ sở dữ liệu các tỷ lệ tuân thủ qui trình chăm sóc bệnh nhân thở máy tại khoa

Có sự phối hợp với bác sĩ trong việc ra chỉ định chăm sóc răng miệng cho bệnh nhân thở máy



#### Hạn chế:

Trang thiết bị xin lãnh bị chậm so với tiến độ

Thời gian bắt đầu cải tiến chậm hơn so với kế hoạch ban đầu

Thời gian tiến hành đề án ngắn nên chưa thấy được kết quả rõ rệt

Công tác giám sát, nhắc nhở còn hạn chế

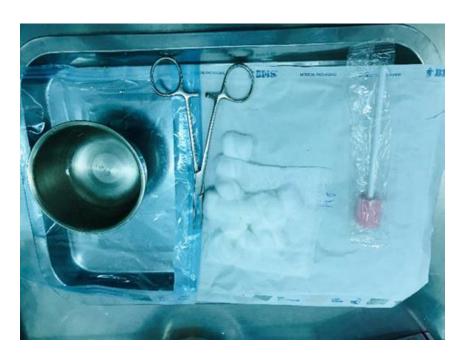
Chưa có bảng nhắc tích hợp cho các qui trình kỹ thuật trong gói chăm sóc bệnh nhân thở máy



### Kết luận:

Việc xây dựng phòng ngừa viêm phối thở máy trên bệnh nhân thở máy là một yêu cầu cấp thiết cho cải thiện chất lượng chăm sóc bệnh nhân có thở máy tại khoa hồi sức. Bên cạnh xây dựng gói phòng ngừa viêm phổi thở máy còn đòi bỏi người điều dưỡng chăm sóc phải có đủ kiến thức, kỹ năng và ý thức tuân thủ qui trình.









## XIN CÁM O'N